



TỌA ĐÀM

CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT BVMT 2020 + 08/2022/NĐ-CP + 02/2022/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 23/01/2022



CÁC QUY ĐỊNH VỀ BVMT HIỆN HÀNH

1

- Luật BVMT năm 2020-có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 (trừ K3,D29)

2

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP-có hiệu lực từ ngày 10/01/2022

3

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT-có hiệu lực từ ngày 10/01/2022

NHỮNG QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CƠ BẢN

1

- **ĐTM SƠ BỘ** (Nhóm I-Phụ lục III, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP-Tiền khả thi/đề xuất chủ trương)

2

- **ĐTM CHI TIẾT** (Nhóm I&II-Mục II&III&IV, Phụ lục IV, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)/**ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG**

3

- **THAY ĐỔI SO VỚI QĐPD ĐTM**

4

- **GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG** (Nhóm I-7 năm + Nhóm II&III-10 năm)

5

- **VHTN**

6

- **QUYẾT ĐỊNH** điều chỉnh loại, khối lượng chất thải nguy hại được phép xử lý hoặc khối lượng phế liệu được phép nhập khẩu

DỰ ÁN ĐẦU TƯ: 4 NHÓM (K2, D28, Luật BVMT 2020)

Nhóm 1

- Phụ lục III, 08/2022/NĐ-CP: Tác động xấu đến môi trường ở **nguy cơ cao**

Nhóm 2

- Phụ lục IV, 08/2022/NĐ-CP: **Có nguy cơ** tác động xấu đến môi trường

Nhóm 3

- Phụ lục V, 08/2022/NĐ-CP: **Ít có nguy cơ** tác động xấu đến môi trường

Nhóm 4

- **Không có nguy cơ** tác động xấu đến môi trường



ĐTM SƠ BỘ (*Nhóm I-Phụ lục III, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP-Tiền khả thi/đề xuất chủ trương*)

- Đối tượng phải đánh giá sơ bộ tác động môi trường (**ĐTM sơ bộ**): **Nhóm I** (Phụ lục III, 08/2022/NĐ-CP).
- Thời điểm **ĐTM sơ bộ**: Nghiên cứu tiền khả thi, đề xuất chủ trương đầu tư, đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư (K2, D29, Luật BVMT 2020).
 - Nội dung đánh giá sơ bộ tác động môi trường được **cơ quan cấp chủ trương/quyết định đầu tư xem xét đồng thời** trong quá trình chấp thuận chủ trương đầu tư (K4, D29, Luật BVMT 2020).



ĐTM CHI TIẾT

ĐỐI TƯỢNG PHẢI LẬP ĐTM CHI TIẾT (K1, D30, Luật BVMT 2020)

- Tất cả **Nhóm I** (tất cả Phụ lục III, 08/2022/NĐ-CP).
 - **Nhóm II-trừ mục I của Phụ lục IV**, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (Mục II&III&IV, Phụ lục IV, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

Note:

- + **Mỗi** dự án đầu tư **lập 1 báo cáo ĐTM** (K3, D31, Luật BVMT 2020).
- + **Thời điểm** đánh giá tác động môi trường: **Lập đồng thời** với quá trình lập nghiên cứu khả thi (K1, D31, Luật BVMT 2020).



ĐTM CHI TIẾT

THAM VẤN KHI LẬP ĐTM CHI TIẾT

- **Nội dung** tham vấn (K3, D31, Luật BVMT 2020): Vị trí, tác động, biện pháp giảm thiểu, chương trình quản lý/giám sát môi trường.
 - **Hình thức** tham vấn: Tham vấn qua trang thông tin điện tử (**bắt buộc**) và họp lấy ý kiến **hoặc** lấy ý kiến bằng văn bản (K4, D31, Luật BVMT 2020).



ĐTM CHI TIẾT

THAM VẤN KHI LẬP ĐTM CHI TIẾT

Hình thức-đối tượng tham vấn:

- + Tham vấn thông qua trang thông tin điện tử: Chủ dự án gửi nội dung tham vấn (vị trí, tác động, biện pháp giảm thiểu, chương trình quản lý/giám sát môi trường) đến đơn vị quản lý trong Web của cơ quan thẩm định → Đơn vị quản lý trang Web tăng tải nội dung tham vấn trong thời hạn 05 ngày → Lấy ý kiến tham vấn trên trang Web trong thời hạn 15 ngày → Đơn vị quản lý trang Web gửi kết quả tham vấn cho Chủ dự án → Chủ dự án hoàn thiện báo cáo ĐTM → Trình thẩm định báo cáo ĐTM sau khi hoàn thiện báo cáo ĐTM theo các ý kiến được tham vấn các bên theo quy định hiện hành (điểm a, K3, D26, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).



ĐTM CHI TIẾT

THAM VẤN KHI LẬP ĐTM CHI TIẾT

Hình thức-đối tượng tham vấn (tt):

- + Tham vấn **cộng đồng** thông qua hình thức **họp dân** (điểm a, K1, D26, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP): Chủ dự án chủ trì, phối hợp với UBND xã niên yết báo cáo ĐTM tại trụ sở UBND xã kèm theo thời gian/địa điểm họp tham vấn trước ngày họp ít nhất 05 ngày → Chủ dự án trình bày nội dung báo cáo ĐTM tại cuộc họp → Lập biên bản tham vấn cộng đồng theo mẫu (điểm b, K3, D26, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).



ĐTM CHI TIẾT

THAM VẤN KHI LẬP ĐTM CHI TIẾT

Hình thức-đối tượng tham vấn (tt):

- + Tham vấn **cơ quan/tổ chức** có liên quan (UBND xã, UBNDTTQVN cấp xã, BQL KCN, Chủ dự án KCN, cơ quan quản lý công trình thủy lợi, cơ quan quản lý khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường, Bộ QP, Bộ CA hoặc Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh, công an cấp tỉnh) bằng **Văn bản** (điểm b, K1, D26, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP): Chủ dự án gửi VB + báo cáo ĐTM → Đơn vị được tham vấn phản hồi bằng VB trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được VB tham vấn (không có phản hồi được coi là thống nhất với nội dung tham vấn) - điểm c, K3, D26, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
- + Tham vấn khác: Phương án cải tạo phục hồi môi trường, chôn lấp chất thải, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (K2, D26, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).



ĐTM CHI TIẾT

THAM VẤN KHI LẬP ĐTM CHI TIẾT

- Note quy định về tham vấn khi lập ĐTM:
- + Nếu các đối tượng được tham vấn khi lập ĐTM không có ý kiến trong thời hạn quy định thì được coi là thống nhất với nội dung tham vấn (điểm b, K2, D33, Luật BVMT 2020).
- + Dự án có hoạt động nhận chìm; xả trực tiếp nước thải vào sông liên tỉnh/sông giáp ranh giữa các tỉnh hoặc biển ven bờ từ 10.000 m³/ngày đêm (24h) trở lên: Chủ dự án “tham vấn trên trang Web + tham vấn cộng đồng bằng họp dân + tham vấn cơ quan/tổ chức bằng VB + tham vấn UBND cấp tỉnh liên kề” (điểm a&b, K4, D26, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).



ĐTM CHI TIẾT

THAM VẤN KHI LẬP ĐTM CHI TIẾT

• Note quy định về tham vấn khi lập ĐTM (tt):

- + Dự án “Phụ lục II + có lượng **nước** thải ra môi trường 10.000 m³/ngày đêm (24h) trở lên” **hoặc** “Phụ lục II + có lượng **khí** thải ra môi trường 200.000 m³/giờ (24h) trở lên”: Chủ dự án “tham vấn trên trang Web + tham vấn cộng đồng bằng họp dân + tham vấn cơ quan/tổ chức bằng VB + **tham vấn ít nhất 5 chuyên gia**”. Các Dự án **còn lại của Phụ lục II** thực hiện “tham vấn trên trang Web + tham vấn cộng đồng bằng họp dân + tham vấn cơ quan/tổ chức bằng VB + **tham vấn ít nhất 3 chuyên gia**” (điểm a&c, K4, D26, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).
- + Dự án “do Quốc hội/TTg quyết định chủ trương + có nguy cơ bồi lắng/xói lở/xâm nhập mặn” **hoặc** “nhận chìm tổng 5 triệu khối trở lên” **hoặc** “lưu lượng **nước** thải công nghiệp 10.000 m³/ngày đêm (24h) trở lên, trừ đầu nối vào trạm tập trung/nước làm mát/nước thải chăn nuôi thủy sản” **hoặc** “lưu lượng **khí** thải công nghiệp 200.000 m³/ngày đêm (24h) trở lên”: Chủ dự án “tham vấn trên trang Web + tham vấn cộng đồng bằng họp dân + tham vấn cơ quan/tổ chức bằng VB + **tham vấn tổ chức chuyên môn về kết quả tính toán của mô hình**” (điểm a&d, K4, D26, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).



ĐTM CHI TIẾT

THAM VẤN KHI LẬP ĐTM CHI TIẾT

• Note quy định về tham vấn khi lập ĐTM (tt):

- + Dự án “chuyển đổi mục đích sử dụng đất của khu bảo tồn thiên nhiên hoặc vùng lõi của khu dự trữ sinh quyển từ 1ha trở lên: Chủ dự án “tham vấn trên trang Web + tham vấn cộng đồng bằng họp dân + tham vấn cơ quan/tổ chức bằng VB + **tham vấn tổ chức chuyên môn về tác động của Dự án tới đa dạng sinh học**” (điểm a&đ, K4, D26, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).
- + Dự án xây dựng hạ tầng giao thông/viên thông/đường dây tải điện liên tỉnh/liên huyện: Chủ dự án chỉ tham vấn trên trang Web + tham vấn bằng VB UBND cấp tỉnh/cấp huyện (điểm e, K4, D26, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).
- + Dự án nằm trong vùng biển không xác định thẩm quyền quản lý của UBND cấp xã: Chủ dự án chỉ tham vấn trên trang Web + tham vấn bằng VB UBND cấp tỉnh nơi tiếp nhận chất thải (điểm g, K4, D26, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).
- + Dự án nằm trong KCN (KCN, Khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu chức năng công nghiệp của KKT): Chủ dự án chỉ tham vấn trên trang Web + tham vấn bằng VB BQL KCN/Chủ KCN (điểm h, K4, D26, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).



ĐTM CHI TIẾT

TRÌNH THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐTM CHI TIẾT

- Bộ TNMT:

+ Tất cả **Nhóm I** (tất cả Phụ lục III, 08/2022/NĐ-CP): Điểm a, K1, D35, Luật BVMT 2020.

+ Các Dự án thuộc Mục II&III&IV, Phụ lục IV, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) và thuộc thẩm quyền quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư của **Quốc hội/TTg**; dự án nằm trên **hai tỉnh**/chưa xác định vùng biển; dự án cấp phép **khai thác khoáng sản/khai thác, sử dụng tài nguyên nước/nhận chìm ở biển/quyết định giao khu vực biển** của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Điểm b, K1, D35, Luật BVMT 2020.



ĐTM CHI TIẾT

TRÌNH THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐTM CHI TIẾT

- **UBND cấp tỉnh** (K3, D35, Luật BVMT 2020): Các Dự án thực hiện trên địa bàn tỉnh (trừ các Dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của Bộ TNMT, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an).

Note: Bộ, cơ quan ngang Bộ **phối hợp** với UBND tỉnh thẩm định ĐTM dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư/quyết định đầu tư của mình.



ĐTM CHI TIẾT

NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐTM CHI TIẾT

- **Nội dung thẩm định ĐTM** (K7, D34, Luật BVMT 2020):

+

+ Sự phù hợp của Dự án với các QH có liên quan.

+ Sự phù hợp về tính khả thi của các biện pháp/công trình BVMT/cải tạo phục hồi môi trường/bồi hoàn đa dạng sinh học.

+ ...

- **Hình thức thẩm định** (K3, D34, Luật BVMT 2020): Thẩm định **bằng HĐ** thẩm định có ít nhất 7 thành viên (trong đó có ít nhất 1/3 phải là chuyên gia với kinh nghiệm 7 năm đối với cử nhân, 3 năm với ThS, 2 năm đối với TS).



ĐTM CHI TIẾT

NOTE CÁC QUY ĐỊNH VỀ trình-thẩm định BÁO CÁO ĐTM CHI TIẾT

- + ĐTM chỉ phân cấp cho Bộ TNMT, Bộ QP, Bộ CA, UBND tỉnh (không phân cấp cho các Bộ/ngành khác thẩm định): D35, Luật BVMT 2020.
- + Dự án đầu tư xây dựng phải thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, Chủ dự án trình đồng thời “ĐTM và báo cáo nghiên cứu khả thi” (K2, D34, Luật BVMT 2020).



ĐTM CHI TIẾT

NOTE CÁC QUY ĐỊNH VỀ trình-thẩm định BÁO CÁO ĐTM CHI TIẾT (tt)

- + Thời điểm trình do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo trước khi có “kết luận thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi” (K2, D34, Luật BVMT 2020).
- + Chuyên gia tham gia lập ĐTM thì không được tham gia HĐ thẩm định ĐTM của Dự án đó (điểm c, K3, D34, Luật BVMT 2020).
- + Dự án xả nước thải vào công trình thủy lợi thì HĐ phải có đại diện cơ quan quản lý công trình thủy lợi (điểm d, K3, D34, Luật BVMT 2020).



ĐTM CHI TIẾT

NOTE CÁC QUY ĐỊNH VỀ trình-thẩm định BÁO CÁO ĐTM CHI TIẾT (tt)

- + Thời gian thẩm định: 45 ngày đối với nhóm I, 30 ngày đối với nhóm II (K6, D34, Luật BVMT 2020).
- + Trường hợp cần thiết: Cơ quan thẩm định tổ chức đi khảo sát thực tế (K4, D34, Luật BVMT 2020).
- + TTg quyết định việc tổ chức thẩm định báo cáo ĐTM vượt quá khả năng thẩm định trong nước (K8, D34, Luật BVMT 2020).



ĐTM CHI TIẾT

TRÌNH **PHÊ DUYỆT** BÁO CÁO ĐTM CHI TIẾT

- Trong thời hạn **12 tháng** tính từ ngày có VB yêu cầu chỉnh sửa, Chủ dự án **phải trình nộp lại** báo cáo ĐTM để được xem xét, phê duyệt (**sau 12 tháng**, Chủ dự án **phải trình lại hồ sơ** đề nghị thẩm định) – K1, D27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
- Thời hạn phê duyệt ĐTM: 20 ngày (nếu **không phê duyệt phải** trả lời bằng VB và nêu rõ lý do) – K9, D34, Luật BVMT 2020.



ĐTM CHI TIẾT

NOTE CÁC QUY ĐỊNH CHUNG VỀ ĐTM CHI TIẾT

- Dự án xả nước thải vào công trình thủy lợi thì **phải có đại diện** của cơ quan quản lý công trình thủy lợi đó và **phải có sự đồng thuận** (quá thời hạn được coi là đồng thuận) của cơ quan đó **bằng văn bản trước khi phê duyệt** ĐTM (điểm d, K3, D34, Luật BVMT 2020).
- Không phê duyệt ĐTM và cấp Giấy phép môi trường cho **Dự án mới** xả nước thải trực tiếp vào nguồn nước mặt không còn khả năng chịu tải, **trừ** nước thải được xử lý đạt QCVN trước khi xả thải hoặc tuần hoàn, tái sử dụng hoặc Dự án xử lý ô nhiễm (K2, D7, Luật BVMT 2020).
- Dự án có thay đổi Chủ dự án thì Chủ dự án mới tiếp tục thực hiện QĐ phê duyệt và thông báo cho cơ quan BVMT cấp tỉnh (K3, D36, Luật BVMT 2020).



ĐTM CHI TIẾT

NOTE CÁC QUY ĐỊNH CHUNG VỀ ĐTM CHI TIẾT (tt)

- Sau khi được duyệt ĐTM:
 - - Chủ dự án điều chỉnh “dự án đầu tư + báo cáo ĐTM” theo QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM (K1, D37, Luật BVMT 2020). Công khai báo cáo ĐTM đã được phê duyệt (K5, D37, Luật BVMT 2020).
 - - Dự án không thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường phải **thông báo** kết quả hoàn thành công trình BVMT cho cơ quan **đã phê duyệt ĐTM** trước khi đưa vào vận hành chính thức (K3, D37, Luật BVMT 2020).
 - - Cơ quan thẩm định phải công khai QĐ phê duyệt ĐTM trên trang Web (K2, D38, Luật BVMT 2020).

THAY ĐỔI SO VỚI QĐ PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐTM

- Sau khi được duyệt ĐTM + trước khi vận hành chính thức + có thay đổi so với quyết định phê duyệt ĐTM:
- + Chủ dự án **phải lập ĐTM** (điểm a, K4, D37, Luật BVMT 2020):
Nếu Dự án tăng quy mô, tăng công suất, thay đổi công nghệ sản xuất.
- Tăng quy mô/công suất **tới mức** phải điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (điểm a, K2, D27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).
- Thay đổi công nghệ sản xuất làm phát sinh chất thải vượt quá khả năng xử lý của “công trình BVMT” trong QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM (điểm b, K2, D27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

THAY ĐỔI SO VỚI QĐ PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐTM

- Sau khi được duyệt ĐTM + trước khi vận hành chính thức + có thay đổi so với quyết định phê duyệt ĐTM (tt):
 - + Chủ dự án **phải lập ĐTM** (điểm a, K4, D37, Luật BVMT 2020): **Nếu** Dự án tăng quy mô, tăng công suất, thay đổi công nghệ sản xuất.
 - Thay đổi công nghệ xử lý chất thải có khả năng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong QĐ phê duyệt báo cáo ĐTM (điểm c, K2, D27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).
 - Thay đổi địa điểm thực hiện Dự án (trừ Dự án phù hợp với quy hoạch phân khu chức năng trong KCN/CCN): Điểm d, K2, D27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
 - Thay đổi vị trí xả thải nước thải (xả thải vào nguồn nước có Quy chuẩn xả thải cao hơn) **hoặc** thay đổi nguồn tiếp nhận làm gia tăng ô nhiễm, sạt lở, sụt lún: Điểm đ, K2, D27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

THAY ĐỔI SO VỚI QĐ PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐTM

- Sau khi được duyệt ĐTM + trước khi vận hành chính thức + có thay đổi so với quyết định phê duyệt ĐTM (tt):
 - + **Hoặc** báo cáo để được chấp thuận trong quá trình cấp giấy phép môi trường: Chỉ áp dụng đối với Dự án “phải có Giấy phép môi trường + thay đổi công nghệ sản xuất/thay đổi công nghệ xử lý chất thải/thay đổi vị trí xả trực tiếp nước thải sau xử lý/bổ sung ngành, nghề vào KCN/CCN (điểm b, K4, D37, Luật BVMT 2020).
 - + **Hoặc** tự quyết định, chịu trách nhiệm và **tích hợp** vào báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (điểm c, K4, D37, Luật BVMT 2020).



GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (GPMT)

ĐỐI TƯỢNG PHẢI LẬP HỒ SƠ TRÌNH CẤP GPMT (D39, Luật BVMT 2020)

- Tất cả các **Dự án** trong Phụ lục III&IV&V, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP có phát sinh nước thải/bụi/khí thải/CTNH (bao gồm đối tượng **phải lập** ĐTM + đối tượng **không phải lập** ĐTM).
- Tất cả các Dự án/**cơ sở**/KCN/CCN trong Phụ lục III&IV&V, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP có phát sinh nước thải/bụi/khí thải/CTNH và **hoạt động trước ngày 1/1/2022**.



GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (GPMT)

THỜI ĐIỂM PHẢI CÓ GPMT (K2, D42, Luật BVMT 2020)

- - Các dự án **phải lập** ĐTM thì **phải có Giấy phép** môi trường **trước khi** VHTN, **trừ** Dự án nhóm I&II&III/KCN/CCN đang VHTN **trước** ngày 01/01/2022 **được lựa chọn** tiếp tục VHTN để được cấp Giấy phép môi trường **sau khi** kết thúc VHTN **hoặc** lập hồ sơ để được cấp Giấy phép môi trường **trước khi hết hạn** VHTN, Chủ dự án không phải VHTN lại nhưng kết quả hoàn thành việc VHTN phải được báo cáo, đánh giá theo quy định tại Điều 46 của Luật BVMT (điểm a, K2, D42, Luật BVMT 2020).
- - Các dự án **không** phải lập ĐTM thì phải có Giấy phép môi trường trước khi: Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản/kế hoạch thăm dò, khai thác dầu khí/phê duyệt báo cáo NCKT/kết luận thẩm định báo cáo NCKT/quyết định đầu tư (điểm b, K2, D42, Luật BVMT 2020).
- - Các dự án **không phải thẩm định** báo cáo NCKT: Phải có Giấy phép môi trường trước khi cấp/điều chỉnh giấy phép xây dựng (điểm b, K2, D42, Luật BVMT 2020).



GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (GPMT)

THỜI ĐIỂM PHẢI CÓ GPMT (tt) (K2, D42, Luật BVMT 2020)

- Các Dự án nhóm I&II&III/KCN/CCN đang VHTN **trước** ngày 01/01/2022 **được lựa chọn** tiếp tục VHTN để được cấp Giấy phép môi trường **sau khi** kết thúc VHTN **hoặc** lập hồ sơ để được cấp Giấy phép môi trường **trước khi hết hạn** VHTN, Chủ dự án không phải VHTN lại nhưng kết quả hoàn thành việc VHTN phải được báo cáo, đánh giá theo quy định tại Điều 46 của Luật BVMT (điểm c, K2, D42, Luật BVMT 2020).
- Các cơ sở nhóm I&II&III/KCN/CCN đã đi vào vận hành chính thức **trước** ngày 01/01/2022 thì phải có GPMT trong thời hạn 38 tháng tính từ ngày 01/01/2022, **trừ** trường hợp đã được cấp XNHT/giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường/NKPL/xử lý CTNH/xả thải thì tiếp tục được sử dụng hết thời hạn hoặc trong thời hạn 5 năm tính từ ngày 01/01/2022.



GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (GPMT)

TRÌNH HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GPMT (K2, D42, Luật BVMT 2020)

- **Thẩm quyền của Bộ TNMT** (K1, D41, Luật BVMT 2020):

+ Dự án/cơ sở đã được Bộ TNMT phê duyệt ĐTM (điểm a, K1, D41, Luật BVMT 2020).

+ Dự án/cơ sở Nhóm I&II&III (có phát sinh nước thải/bụi/khí thải/CTNH và nằm trên 2 tỉnh/vùng biển chưa xác định/sử dụng phế liệu nhập khẩu/dịch vụ xử lý CTNH): Điểm b, K1, D41, Luật BVMT 2020.



GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (GPMT)

TRÌNH HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CẤP GPMT (K2, D42, Luật BVMT 2020)

- **Thẩm quyền của UBND cấp tỉnh** (K3, D41, Luật BVMT 2020): Dự án Nhóm II + Nhóm III **nằm trên 2 huyện** trở lên + Dự án/cơ sở/KCN/CCN Nhóm I + Nhóm II + Nhóm III (có phát sinh nước thải/bụi/khí thải/CTNH) **hoạt động trước ngày 1/1/2022 đã được UBND tỉnh hoặc Bộ, cơ quan ngang Bộ phê duyệt ĐTM.**
- **Thẩm quyền của UBND cấp huyện** (K4, D41, Luật BVMT 2020): Các trường hợp còn lại.
- **Thời điểm trình nộp hồ sơ** đề nghị cấp GPMT:



GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (GPMT)

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP GPMT (K2&3, D43, Luật BVMT 2020)

Chủ dự án gửi hồ sơ → Kiểm tra đầy đủ, hợp lệ → Công khai nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường → Tham vấn ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan → Kiểm tra thực tế → Tổ chức việc thẩm định, cấp giấy phép. Việc **cấp giấy phép** môi trường được thực hiện trên cơ sở **hợp HĐ thẩm định** (HĐ thẩm định phải có đại diện cơ quan quản lý công trình thủy lợi khi Dự án có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi) **báo cáo đề xuất** cấp giấy phép môi trường của Chủ dự án (K3, D43, Luật BVMT 2020).



GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (GPMT)

NOTE CÁC QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC CẤP GPMT

- Dự án đầu tư công khẩn cấp được miễn Giấy phép môi trường (K3, D39, Luật BVMT 2020).
- GPMT của Dự án nhóm I + Cơ sở/KCN/CCN nhóm I hoạt động trước ngày 01/01/2022: Có thời hạn 7 năm (điểm a&b, K4, D40, Luật BVMT 2020).
- GPMT của Dự án/cơ sở/KCN/CCN nhóm II&III: Có thời hạn 10 năm (điểm c, K4, D40, Luật BVMT 2020).
- Thời hạn của giấy phép môi trường có thể ngắn hơn thời hạn quy định theo đề nghị của Chủ dự án (điểm d, K4, D40, Luật BVMT 2020).
- Giấy phép môi trường có thể cấp cho từng giai đoạn của Dự án/cơ sở, giấy sau sẽ tích hợp giấy liền trước đó (K3, D42, Luật BVMT 2020).



GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (GPMT)

NOTE CÁC QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC CẤP GPMT (tt)

- Thay **đổi tên** dự án + thay **đổi Chủ** dự án thì Chủ dự án (**Chủ dự án mới**) phải thông báo **cơ quan cấp phép** để được **đổi giấy phép** và tiếp tục thực hiện giấy phép môi trường (K5, D42, Luật BVMT 2020).
- Từ ngày giấy phép môi trường **có hiệu lực** thì QĐ phê duyệt ĐTM và giấy phép môi trường thành phần **hết hiệu lực** (K6, D42, Luật BVMT 2020).
- Dự án/cơ sở **có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi**, cơ quan cấp giấy phép môi trường phải **lấy ý kiến bằng văn bản** và **đạt được sự đồng thuận** của cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi đó **trước khi cấp phép** (điểm c, K2, D43, Luật BVMT 2020). Nếu trong thời hạn không có ý kiến thì được **coi là đồng thuận** và trong HĐ thẩm định/đoàn kiểm tra **phải có đại diện** của cơ quan quản lý công trình thủy lợi (K3, D43, Luật BVMT 2020).
- Dự án/cơ sở **nằm trong KCN**, cơ quan cấp giấy phép môi trường phải **lấy ý kiến bằng văn bản** của Chủ KCN **trước khi cấp phép** (điểm d, K2, D43, Luật BVMT 2020).



GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (GPMT)

NOTE CÁC QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC CẤP GPMT (tt)

- Cơ quan có thẩm quyền cấp GPMT có thể quy định thời hạn cấp GPMT ngắn hơn quy định (điểm c, K4, D43, Luật BVMT 2020).
- Dự án/cơ sở/KCN/CCN thuộc đối tượng phải có GPMT + tiến hành công việc bức xạ thì phải thực hiện quy định về năng lượng nguyên tử (K5, D43, Luật BVMT 2020).
- Khi cấp, cấp lại, điều chỉnh Chủ dự án/Chủ cơ sở phải mất phí (K1, D45, Luật BVMT 2020).
- Dự án đang VHTN **trước ngày 1/1/2022** thì Chủ dự án **được lựa chọn:** Tiếp tục VHTN để được cấp Giấy phép môi trường **hoặc** lập hồ sơ để được **cấp** Giấy phép môi trường **trước** khi hết thời hạn VHTN (điểm c, K2, D42, Luật BVMT 2020).



GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (GPMT)

NOTE CÁC QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC CẤP GPMT (tt)

- Cơ sở, KCN đã vận hành chính thức trước ngày 1/1/2022 thì phải “**có Giấy phép môi trường**” trong thời hạn **36 tháng** tính từ ngày 1/1/2022, **trừ** các trường hợp đã được cấp “Giấy phép môi trường thành phần” (Giấy phép môi trường thành phần tiếp tục sử dụng **đến hết thời hạn hoặc 5 năm** (đối với giấy phép không xác định thời hạn) tính từ ngày 1/1/2022) – điểm d, K2, D42, Luật BVMT 2020.
- Khi đã được cấp giấy phép môi trường và đã kết thúc VHTN **nhưng muốn** thực hiện dịch vụ xử lý CTNH hoặc sử dụng phế liệu nhập khẩu thì phải xin điều chỉnh lại giấy phép môi trường (K2, D44, Luật BVMT 2020).
- Khi cấp giấy phép môi trường, nếu Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia/quy hoạch tỉnh/phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường **chưa được ban hành** thì việc cấp giấy phép môi trường được căn cứ vào hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường + báo cáo ĐTM đã được phê duyệt + QCVN + các quy định về BVMT/TNN/...(điểm e, K1, D42, Luật BVMT 2020).



GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (GPMT)

NOTE CÁC QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC CẤP GPMT (tt)

- Trong quá trình xem xét, **cấp giấy phép** môi trường **bắt buộc** phải đi kiểm tra thực tế (điểm b, K2, D43, Luật BVMT 2020).
- - Giấy phép môi trường **phải được cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại** **khi** có nội dung **thay đổi, điều chỉnh** so với Giấy phép đã được cấp (K1&2&3, D44, Luật BVMT 2020).
- - **Cấp đổi giấy phép** môi trường (K1, D44, Luật BVMT 2020) khi: Chỉ thay đổi tên Dự án/cơ sở **hoặc** đổi Chủ dự án/Chủ cơ sở nhưng **các nội dung khác** của Giấy phép **không thay đổi**.
- - **Điều chỉnh giấy phép** môi trường (K2, D44, Luật BVMT 2020) khi: **Thay đổi các thông tin** về “nước thải, khí thải, tiếng ồn/độ rung, CTNH (công trình xử lý/mã/khối lượng/số lượng trạm trung chuyển/địa bàn hoạt động), loại/khối lượng phế liệu nhập khẩu”, **trừ** “tăng quy mô, tăng công suất; thay đổi công nghệ sản xuất/thay đổi khác làm tăng tác động xấu đến môi trường” **hoặc** Dự án/cơ sở **đã kết thúc VHTN** nhưng **có nhu cầu** thực hiện dịch vụ xử lý CTNH hoặc sử dụng phế liệu nhập khẩu.



GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG (GPMT)

NOTE CÁC QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC CẤP GPMT (tt)

- - **Cấp lại giấy phép** môi trường (K3, D44, Luật BVMT 2020) khi: Hết hạn + Dự án/cơ sở/KCN/CCN thay đổi về **tăng quy mô, công suất, công nghệ sản xuất hoặc thay đổi khác** làm tăng tác động xấu đến môi trường so với giấy phép môi trường đã được cấp, **trừ** trường hợp dự án thay đổi thuộc đối tượng phải ĐTM.
- - **Tước giấy phép** môi trường (K4, D44, Luật BVMT 2020) khi: Vi phạm hành chính về BVMT đến mức phải tước GPMT.
- - **Thu hồi giấy phép** môi trường (K5, D44, Luật BVMT 2020) khi: Cấp không đúng thẩm quyền + có nội dung trái quy định.



Trân trọng cảm ơn!

GREEN CHEMISTRY:
PROMOTING AN ECO-FRIENDLY CHEMICAL INDUSTRY